Sở Thông tin và Truyền thông
sotttt@ninhthuan.gov.vn
Tỉnh Ninh Thuận
21.09.2021 07:35:03 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/NQ-HĐND	*Ninh Thuận, ngày 31 tháng 8 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh biên chế công chức trên địa bàn tỉnh năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 03 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước của các cơ quan hành chính Nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-BNV ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của tỉnh Ninh Thuận năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-BNV ngày 10 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao bổ sung biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước thuộc tỉnh Ninh Thuận năm 2021;

Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc phân bổ nguồn dự phòng biên chế hành chính năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh biên chế công chức năm 2021 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh - *cụ thể theo Phụ lục đính kèm*.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm quyền điều chuyển biên chế nội bộ Sở, ban, ngành với các đơn vị hành chính trực thuộc Sở khi sắp xếp tổ chức bộ máy

các cơ quan, đơn vị *(trong trường hợp không thay đổi tổng biên chế toàn ngành sau khi điều chuyển)* sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khóa XI kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2021./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Biên chế hành chính năm 2021 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi điều chỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế đã phân bổ năm 2021	Điều chỉnh bổ sung biên chế qua rà soát nhu cầu của các đơn vị	Điều chỉnh biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy	Bộ Nội vụ bổ sung tại Quyết định số 802/QĐ-BNV ngày 10/7/2021	Tổng biên chế sau khi điều chỉnh năm 2021	Ghi chú
	Tổng cộng (I+II+III)	**1649**	**0**	**0**	**5**	**1654**	
I	**SỞ, BAN, NGÀNH**	**1068**	**10**	**0**	**5**	**1083**	
1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban chuyên trách	10				10	
2	Lãnh đạo UBND tỉnh	4				4	
3	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	17		-17		0	
3a	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh			17	5	22	
4	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	51	1	0	0	52	
	Cơ quan Văn phòng	*46*	1			47	
	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	*5*				5	
5	Sở Nội vụ	51	1	0		52	
	Cơ quan Sở	*32*	1	19		52	
	Ban Tôn giáo	*8*		-8		0	
	Ban Thi đua - Khen thưởng	*5*		-5		0	
	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	*6*		-6		0	
6	Sở Giao thông vận tải	51				51	
	Cơ quan Sở	*26*				26	
	Thanh tra Sở	*25*				25	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế đã phân bổ năm 2021	Điều chỉnh bổ sung biên chế qua rà soát nhu cầu của các đơn vị	Điều chỉnh biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy	Bộ Nội vụ bổ sung tại Quyết định số 802/QĐ-BNV ngày 10/7/2021	Tổng biên chế sau khi điều chỉnh năm 2021	Ghi chú
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	50				50	
8	Ban Dân tộc	15				15	
9	Văn phòng Thường trực Ban An toàn giao thông	3				3	
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp	16				16	
11	Sở Tài chính	41	1			42	
12	Sở Thông tin và Truyền thông	21				21	
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	47				47	
14	Sở Xây dựng	53				53	
	Cơ quan Sở	*37*				37	
	Thanh tra Sở	*16*				16	
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	264	1	0	0	265	
	Cơ quan Sở	*49*				49	
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	*13*				13	
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	*15*				15	
	Chi cục Kiểm lâm	*124*				124	
	Chi cục Thủy sản	*25*				25	
	Chi cục Thủy lợi	*13*	1			14	
	Chi cục Phát triển nông thôn	*13*				13	
	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy sản	*12*				12	
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	44	2			46	
17	Sở Khoa học và Công nghệ	33				33	
	Cơ quan Sở	*21*				21	
	Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	*12*				12	
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	42				42	
19	Thanh tra tỉnh	31				31	
20	Sở Tư pháp	28	1			29	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế đã phân bổ năm 2021	Điều chỉnh bổ sung biên chế qua rà soát nhu cầu của các đơn vị	Điều chỉnh biên chế do sắp xếp tổ chức bộ máy	Bộ Nội vụ bổ sung tại Quyết định số 802/QĐ-BNV ngày 10/7/2021	Tổng biên chế sau khi điều chỉnh năm 2021	Ghi chú
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	56	0	0	0	56	
	Cơ quan Sở	*37*		7		44	
	Chi cục Biển	*7*		-7		0	
	Chi cục Bảo vệ môi trường	*12*				12	
22	Sở Y tế	58	2	0	0	60	
	Cơ quan Sở	*34*	2			36	
	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	*12*				12	
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	*12*				12	
23	Sở Công Thương	32	1			33	
24	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Núi Chúa (trực thuộc BQL Vườn Quốc gia Núi Chúa)	31				31	
25	Hạt Kiểm lâm Vườn Quốc gia Phước Bình (trực thuộc BQL Vườn Quốc gia Phước Bình)	19				19	
II	**UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ**	**565**	**6**	**0**	**0**	**571**	
1	Huyện Ninh Hải	84	1			85	
2	Huyện Thuận Bắc	78				78	
3	Huyện Ninh Sơn	79				79	
4	Huyện Bác Ái	77	2			79	
5	Huyện Ninh Phước	83	1			84	
6	Huyện Thuận Nam	79				79	
7	Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	85	2			87	
III	**Biên chế dự phòng**	**16**	**-16**	**0**		0	